

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HC-ST

Ngày: 19/8/2022

Vụ án: khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý nhà nước về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đào Liệt Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Trần Hiếu;**
Ông Mai Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Chúc** là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thanh Bảo Trân** và bà **Đồng Thị Thanh Nga** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân thành phố Cần Thơ và Ủy ban nhân dân quận N xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 65/2021/TLST-HC ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HC ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Trịnh Thị Q**, sinh năm 1941;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đỗ Ánh M**, sinh năm 1963 (văn bản ủy quyền ngày 14/01/2022). Địa chỉ: khu vực X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận N;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N;

Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện: Ông **Mã Khánh H**, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 19/8/2022). (Có mặt tại điểm cầu trực tuyến trụ sở Ủy ban nhân dân quận N).

Địa chỉ: Đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người bị kiện:

Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1971; đường N1, phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt tại điểm cầu trực tuyến trụ sở Ủy ban nhân dân quận N).

Ông Đoàn Quốc H, sinh năm 1986. Trú tại đường X, phường A3, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt tại điểm cầu trực tuyến trụ sở Ủy ban nhân dân quận N).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trần Đạt Hoàng D**;

Địa chỉ liên hệ: đường T, khu vực K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện bà Trịnh Thị Q trình bày:

Trong quá trình quy hoạch, thu hồi đất, giải quyết đền bù dự án Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ, bà Trịnh Thị Q nhiều lần có ý kiến về quyết định thu hồi đất mà ngày 09/4/2021 mới triển khai. Sau khi triển khai bà có đơn khiếu nại.

Đến ngày 23/4/2021, Ủy ban nhân dân quận N trả lời bằng Công văn số 219/HĐBT không chấp nhận tất cả các nội dung bà đã kiến nghị về đất, về giá. Trong khi đó, Ủy ban không bồi thường cây hoa màu, xâm hại chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải quyết nền tái định cư (tại sao cũng ở phường A dự án khác bị thu hồi 1000m² được giải quyết 01 nền. Về giá đất bồi thường cấp ranh đất mặt bên giá 1.200.000 -1.500.000 đồng/m², còn đất của bà chỉ có 432.000 đồng/m² và đến nay bà chưa nhận tiền bồi thường. Bà đề nghị giải quyết theo Quyết định số 82 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Tại bản tự khai đề ngày 17/01/2022, bà Đỗ Ánh M là người đại diện theo ủy quyền của bà Q trình bày bổ sung: Bà không đồng ý với đơn giá bồi thường là 432.000 đồng/m², đơn giá này không phù hợp với tình hình thực tế giá đất hiện tại và trên thực tế phần đất của bà thuộc diện đất trồng cây lâu năm. Việc áp giá đất không đứng trên quyền lợi của người dân đã đi ngược lại với Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Bà đề nghị điều chỉnh giá bồi thường cụ thể của dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ theo đơn giá của Quyết định số 1022 và Quyết định số 82 (áp giá bồi thường cho dự án gần với đất của bà).

Về bồi thường hoa màu và cây ăn quả: Theo Thông báo số 130/TB-HĐBT ngày 17/7/2018 không có nội dung bồi thường hoa màu và cây ăn quả, trong thực tế, phần đất của bà có trồng hoa màu và cây ăn quả và bà là người đứng tên trên quyền sử dụng đất nhưng Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định bồi thường cho ông Trần Hoàng Đạt D là không đúng đối tượng.

Về quyền xin mua nền tái định cư: Theo Thông báo số 130/TB – HĐBT

ngày 17/7/2018 không đề cập đến chính sách cấp hoặc mua nền tái định cư để hỗ trợ gia đình bà ổn định chỗ ở lâu dài khi bị thu hồi đất. Công văn số 219 của Ủy ban nhân dân quận N cho rằng bà Q chỉ ảnh hưởng đất nông nghiệp không có nhà ở trên đất không phải di chuyển chỗ ở thì không đủ điều kiện xét mua nền tái định cư theo quy định. Bà cho rằng trả lời này là thiếu khách quan, không thỏa đáng nguyện vọng nhu cầu nhà ở của người dân mất đất. Tại sao cùng một trường hợp là đất nông nghiệp của Dự án A lại được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ra Công văn số 3882/UBND –KT ngày 16/12/2019 quy định 1000m² đất nông nghiệp thì được giải quyết mua 1 nền nhà tái định cư nhưng Ủy ban nhân dân quận N lại không giải quyết cho bà theo chế độ này.

Bà hoàn toàn đồng ý và chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước tuy nhiên Ủy ban nhân dân quận N lại ra quyết định số 11403/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 cưỡng chế thu hồi đất của bà, đến ngày 14/12/2021 Ủy ban nhân dân phường A mới triển khai quyết định cưỡng chế.

Tại tờ tường trình ngày 11/5/2022, người đại diện theo ủy quyền của bà Q trình bày bổ sung về việc cho rằng trình tự thu hồi đất không khách quan như sau: Ngày 15/08/2017 Hội đồng bồi thường (HĐBT) tự động đơn phương ra biên bản đo đạc, kiểm định nhà, vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi với nội dung như sau: thời điểm này HĐBT không có kế hoạch, thông báo, đo đạc, kiểm đếm vật kiến trúc trên đất. Trong khi đó Bộ Y tế chưa có phê duyệt dự án đầu tư Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ. Ngày 31/10/2017 mới có Quyết định số 4873/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế là không đúng trình tự thu hồi đất. Biên bản kết quả kiểm đếm ngày 17/08/2017 của Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất Quận N TP Cần Thơ, HĐBT tự cho mảnh đất bị thu hồi của bà là đất trống không nhà, không cây, trong khi đó bà được Ông Nguyễn Dương Cường B phó chủ tịch phường A xác nhận như sau: *“bà đang sử dụng phần đất nông nghiệp trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định là đúng”*. Ngày 23/07/2018 ông Đinh Văn B (là đại diện hộ dân khu vực 6, phường A của ban dự án) cũng xác nhận kèm theo. Cụ thể trên đất bà có trồng cây, có ao cá và căn nhà sử dụng để giữ vườn Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận đã tự ý đền bù không đúng đối tượng.

Theo biên bản ông Lê Hoàng Đ Phó Giám đốc Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất (BQLDA & PTQĐ) và ông Đoàn Quốc Huy đã ký diện tích ảnh hưởng $2.000,0\text{m}^2 \times 0,243 \text{ cây/m}^2 = 486 \text{ cây}$ (cam sành) không hợp lý số lượng cây chênh lệch cao gấp 3 lần so với thực tế vì diện tích mặt nước và nhà của bà gần 1.000m² trên đất bà trồng cây xoài, dừa, mận, mít...lâu năm. Bà không có ủy quyền cho ai chỉ cọc, đo, kiểm đếm. Đất của bà đủ điều kiện đền bù theo Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 27/4/2018 Ủy ban nhân dân quận N thông báo thu hồi đất số 1162/TB-

UBND để thực hiện dự án Bệnh viện Chỉnh hình trung ương Cần Thơ nhưng thông báo này ra sau 8,5 tháng khi đo đạc, kiểm tra là không đúng trình tự thủ tục theo Luật Đất đai năm 2013, cụ thể là đối với đất nông nghiệp phải thông báo trước khi đo kiểm 90 ngày (tức là thông báo thu hồi đất ra trước ngày 15/8/2017).

Ngày 06/7/2018 Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 4361/QĐ-UBND thu hồi đất của bà là không có phiếu xác nhận, không đo đạc hiện trạng thửa đất, không có chủ sở hữu đất ký tên, thông báo thu hồi đất nhận chung một ngày. Không triển khai Quyết định thu hồi đất cho bà, đến ngày 10/01/2022 ông Lê Hoàng Đ và ông Đoàn Quốc H mới giao phiếu xác nhận kết quả đo đạc và kiểm đếm cây trên đất cho bà.

Hội đồng bồi thường không xây dựng phương án đưa ra giá đất cho dự án này cụ thể là không có lý ý kiến người dân trong dự án bị ảnh hưởng, không có biên bản của Mặt trận Tổ quốc địa phương ghi số người đồng thuận, số người không đồng thuận và người có ý kiến khác mà Hội đồng bồi thường tự đưa ra giá bồi thường của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ là 432 triệu/1000m². Trong khi đó năm 2022 là 1.552.000 đồng/m².

Ngày 31/12/2020 Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 9457/QĐ-UBND hỗ trợ nghề nhưng sau hơn 03 tháng mới triển khai quyết định này, làm cho việc hỗ trợ không kịp thời, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà.

Bà Q cho rằng quy trình cưỡng chế là không đúng quy định bởi vì bà không được nhận báo cáo số 99/BC-HĐBT và Công văn số 294/BDAQĐ ngày 20/5/2021 về việc ban hành quyết định cưỡng chế. Ủy ban nhân dân phường A không có vận động bà nhận tiền bồi thường hỗ trợ và giao mặt bằng. Bà cũng không có nhận Tờ trình số 1477/TTr-PTNMT của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận N thành phố Cần Thơ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ra Quyết định số 11403/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất nhưng không có cuộc họp triển khai là chưa đúng quy định.

Từ các mục như đã phân tích trên ,ngày 17/12/2021 bà Q có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 219/HĐBT ngày 23/4/2021, buộc Ủy ban nhân dân quận N xét cho bà được mua 04 nền tái định cư.

Ngày 17/01/2022, bà Q có khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 11403/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Theo văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện thể hiện:

* Về yêu cầu hủy Công văn số 219/HĐBT ngày 23/4/2021 của Hội đồng bồi thường dự án về việc trả lời đơn:

Ngày 17/4/2017, Hội đồng bồi thường dự án có Biên bản về việc đo đạc,

kiểm định nhà, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi bị ảnh hưởng dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ với nội dung: Bà Trịnh Thị Q không có nhà trên đất, phần đất bị thu hồi với diện tích 4.124,2m² loại đất trồng lúa (LUA) và đất sông rạch (SON), thửa đất số 206, tờ bản đồ số 52, theo Giấy chứng nhận số CH04566 do UBND quận N, cấp ngày 28/5/2012 tại khu vực 6, phường A.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, Hội đồng bồi thường dự án có Biên bản về việc kiểm tra kết quả áp giá tạm tính về đất, nhà, vật kiến trúc và hoa màu dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ, trong đó: Bà Trịnh Thị Q được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 1.781.654.400 đồng (4.124,2 m² đất LUC x 432.000 đồng/m²).

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, UBND quận N ban hành Quyết định số 4348/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà, vật kiến trúc, hoa màu (đợt 1 – 22 hộ) ảnh hưởng dự án xây dựng Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ, trong đó: Bà Trịnh Thị Q được duyệt số tiền bồi thường về đất là 1.778.760.000 đồng (4.117,5m² LUC x 432.000 đồng/m²).

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, UBND quận N ban hành Quyết định số 4361/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Trịnh Thị Q để thực hiện dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ, với diện tích đo đạc thực tế 4.124,2m² LUC (gồm toàn bộ diện tích thửa đất số 206 là 4.117,5m² LUC, tờ bản đồ số 52, Giấy chứng nhận số CH04566 do UBND quận N cấp ngày 28 tháng 5 năm 2012) và 6,7m² LUC chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 05 (tạm), tờ bản đồ số 01 (tạm), theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 15 tháng 8 năm 2017. Ngày 20 tháng 7 năm 2018, UBND phường A có Biên bản về việc triển khai và niêm yết Quyết định số 4361/QĐ-UBND.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, Hội đồng bồi thường dự án có Thông báo số 130/TB.HĐBT; ngày 15 tháng 8 năm 2018, Hội đồng bồi thường dự án có Thông báo số 143/TB.HĐBT (lần 2) đến bà Trịnh Thị Q về các khoản kinh phí bồi thường, hỗ trợ và đăng ký nhận tiền dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ là 1.778.760.000 đồng.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, Hội đồng bồi thường dự án có Biên bản số 142/BB-HĐBT về việc họp Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ, tại khoản 4 về giải quyết đơn của 07 hộ với nội dung: Thống nhất không xem xét giải quyết nội dung yêu cầu về giá đất và tái định cư của các hộ dân. Ngày 10 tháng 01 năm 2019, Hội đồng bồi thường dự án có Thông báo số 02/TB.HĐBT (lần 3) đến bà Trịnh Thị Q

về các khoản kinh phí bồi thường, hỗ trợ và đăng ký nhận tiền dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ là 1.778.760.000 đồng.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, UBND quận N ban hành Quyết định số 6661/QĐ-UBND về việc phê duyệt chính sách tái định cư đối với 46 hộ (03 đợt) ảnh hưởng dự án xây dựng Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ, tại mục III bảng tổng hợp chính sách tái định cư đối với 46 trường hợp thì bà Trịnh Thị Q – thứ tự số 16 không đủ điều kiện xét tái định cư, vì ảnh hưởng đất nông nghiệp không nhà, không phải di chuyển chỗ ở.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, UBND quận N ban hành Quyết định số 9457/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề bà Trịnh Thị Q, ảnh hưởng dự án xây dựng Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ, trong đó: Bà Q được duyệt số tiền 1.019.220.600 đồng gồm tiền hỗ trợ ổn định đời sống 14.040.000 đồng, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 1.002.180.600 đồng ($4.124,2 \text{ LUC} \times 243.000 \text{ đồng/m}^2$) và thưởng bàn giao đất nông nghiệp đúng tiến độ 3.000.000 đồng.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, Hội đồng bồi thường dự án có Thông báo số 44/TB.HĐBT đến bà Trịnh Thị Q về các khoản kinh phí bồi thường, hỗ trợ và đăng ký nhận tiền dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ là 1.019.220.600 đồng. Căn cứ Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 của UBND thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ, trong đó: Giá đất trồng cây hàng năm là 432.000 đồng/m².

Mặt khác, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu tái định cư A, phường A (sau đây gọi tắt là quyết định 1022); Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2019 về việc bổ sung giá đất cụ thể tại Quyết định số 1022 về chính sách hỗ trợ đất ở (mua nền tái định cư) cho các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp với diện tích lớn để thực hiện dự án Khu tái định cư A là để áp dụng riêng cho dự án Khu tái định cư theo Khung chính sách tái định cư mà Nhà nước Việt Nam có cam kết với Ngân hàng Thế giới theo quy định tại Điều 87 của Luật Đất đai năm 2013. Theo đó, dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ sử dụng vốn ngân sách, không sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới nên bà Trịnh Thị Q đề nghị giải quyết tái định cư theo quy định Khung chính sách nêu trên là không phù hợp quy định.

Về đề nghị đo đạc lại hiện trạng đất: Theo Báo cáo số 28/BC-HĐBT ngày 15 tháng 02 năm 2022 về kết quả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Trịnh Thị Q, nội dung: Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận đã phối hợp

cùng Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ và các đơn vị liên quan tiến hành đo đạc theo đề nghị của hộ dân (kèm phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14 tháng 12 năm 2021). Quá trình kiểm tra hồ sơ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, phần diện tích thu hồi theo quyết định đã đúng theo Giấy chứng nhận được cấp. Đồng thời, phần diện tích tăng ngoài Giấy chứng nhận (theo ranh của hộ dân xác định) chủ yếu là diện tích nương rạch (giáp rạch Nọc) không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ nên không ảnh hưởng đến kinh phí bồi thường, hỗ trợ đã được duyệt và quyết định thu hồi đất. Từ cơ sở trên, Hội đồng bồi thường dự án có Công văn số 219/HĐBT ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc trả lời đơn của bà Trịnh Thị Q không có cơ sở xem xét giải quyết khiếu nại là đúng quy định, do đó việc bà Q khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 219/HĐBT ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc trả lời đơn và yêu cầu giải quyết 04 nền tái định cư là không cơ sở giải quyết.

* Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 11403/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch UBND quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất (sau đây gọi tắt là quyết định 11403): Trình tự, thủ tục cưỡng chế thu hồi đất là đúng theo khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2024. Do đó, bà Trịnh Thị Q khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 11403/QĐ-UBND là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Từ những cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân quận N kiến nghị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đạt Hoàng D trình bày:

Vào cuối năm 2013 thông qua ông Nguyễn Thanh Liêm ông có quen ông Đỗ Quốc Thuận và được ông Thuận gợi ý cho thuê mảnh đất đã lên liếp nhưng bỏ hoang hóa khoảng 25.000m², trên đất có căn chòi tole khoảng 25m² tại khu vực 6, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Sau đó, bà Đỗ Ánh M là người đưa ra mức giá cho thuê và cử ông Đỗ Quốc Đ là em trai út trong gia đình làm người đại diện gia đình ký hợp đồng cho thuê. Kể từ đó bà Trịnh Thị Q nhận ông làm con nuôi và các anh chị cũng xem ông như là người trong gia đình. Việc vận chuyển phân bón, hóa chất ông mua ở thành phố Hồ Chí Minh cũng là do ông Đỗ Quốc Thuận vận chuyển vô tới vườn cam cho ông (có hóa đơn vận chuyển của Doanh nghiệp tư nhân T do bà Đỗ Ánh M làm chủ). Vì vậy ông đã trồng cây một cách công khai, minh bạch và liên tục. Đồng thời, ông cũng là người canh tác, thu hoạch hoa lợi, trái cây trên đất đã thuê cho đến khi quy hoạch giải tỏa, kiểm đếm cây (có ông Đ bà N đại diện gia đình cùng đi). Đến khi ông nhận được Thông báo nhận tiền bồi thường hoa màu trên đất thuê thì gia đình bà Trịnh Thị Q, Đỗ Ánh M, ông Đỗ Quốc T khởi kiện bà về số tiền này. Vụ việc đã được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tại Tòa án nhân dân quận N bằng bản án số 20/2022/DS-ST ngày

28/02/2022 (hiện đang chờ xét xử phúc thẩm), nên việc quy hoạch kiểm đếm cây cũng như trình tự thủ tục và các chính sách có liên quan do Hội đồng bồi thường và chính quyền địa phương xem xét, phê duyệt nên ông không có ý kiến.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Vẫn giữ nguyên ý kiến như đã có văn bản trình bày với Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Trong phần tranh luận, phía người khởi kiện và người bị kiện, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đều nêu ra các cơ sở, lý lẽ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng:

Về tố tụng: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; thủ tục thụ lý, thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điều 157, điều 158 Luật tố tụng hành chính, do đó đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Viện kiểm sát thống nhất việc Tòa án ban hành Thông báo số 03/TB.TA ngày 19/4/2022 về việc không chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị Q xin tạm đình chỉ thi hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

Về nội dung: căn cứ các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2, điều 193 Luật tố tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện; quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Trịnh Thị Q khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 219/HĐBT ngày 23/4/2021 về việc trả lời đơn cứu xét và Quyết định số 11403/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất,

buộc Ủy ban nhân dân quận N giải quyết cho bà được xét mua 04 nền tái định cư theo quy định. Xét thấy đây là khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính Tòa án giải quyết vắng mặt người có quyền

[2] Xét yêu cầu hủy Công văn số 219/HĐBT ngày 23/4/2021 về việc trả lời đơn (sau đây gọi tắt là Công văn số 219):

[2.1] Về thẩm quyền ban hành văn bản: Ngày 22/8/2020 bà Q gửi đơn cứu xét đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N. Ngày 23/4/2021, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận N ký ban hành Công văn số 219/HĐBT trả lời đơn cho bà Trịnh Thị Q. Xét thấy, tuy Công văn 219 do Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận N ký ban hành nhưng với tư cách ký thay Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án. Theo khoản 3 Điều 25, Điều 27 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập và Chủ tịch Hội đồng bồi thường là thường trực Ủy ban nhân dân cấp huyện. Vì vậy, Công văn số 219 cũng được xem là văn bản do Ủy ban nhân dân quận N ban hành.

[2.2] Công văn 219 có nội dung giải quyết 02 đề nghị của bà Q là về giá bồi thường đất và chính sách tái định cư, Hội đồng xét xử nhận thấy liên quan đến 02 vấn đề này có 02 quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 4348/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 về việc phê duyệt kinh phí phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà, vật kiến trúc, hoa màu (đợt 1-22 hộ) (hộ bà Q thuộc trường hợp thứ 22 theo bản tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà, vật kiến trúc và hoa màu ban hành kèm theo Quyết định 4348) và Quyết định số 6661/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của Ủy ban nhân dân quận N, tại mục III bảng tổng hợp chính sách tái định cư đối với 46 trường hợp, bà Q thuộc trường hợp thứ 16. Do đó, Tòa án sẽ xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan này theo quy định tại Điều 6, khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

[2.3] Xét thấy, theo Quyết định số 4348/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận N phê duyệt tiền bồi thường về đất của bà Trịnh là 1.778.760.000 đồng ($432.000 \text{ đồng/m}^2 \times 4.117,5 \text{ m}^2$). Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*. Theo Quyết

định số 3024/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ thể hiện giá đất trồng cây hàng năm là 432.000 đồng/m². Ngày 06/7/2018 Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 4361/QĐ-UBND thu hồi đất của bà Q với diện tích đo đạc thực tế là 4.117,5m² đất LUC và 6,7m² đất SON ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất bà Q sử dụng khi cấp giấy đã được đo đạc thực tế và phần đất của bà sát Rạch Nọc nên không có cơ sở để bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 2, 3 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Do vậy, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 4348 phê duyệt kinh phí bồi thường về đất cho bà Q là đúng theo khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

Về việc bà Q yêu cầu áp giá đất bồi thường theo Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ là không có cơ sở. Bởi lẽ, Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị - hạng mục công trình Khu tái định cư A, trong khi phần đất của bà Q bị thu hồi để thực hiện dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ.

[2.4] Việc giải quyết tái định cư cho bà Trịnh Thị Q đã được Ủy ban nhân dân quận N phê duyệt tại Quyết định số 6661/QĐ-UBND ngày 08/11/2019, tại mục III bảng tổng hợp chính sách tái định cư đối với 46 trường hợp, bà Q thuộc trường hợp thứ 16 không đủ điều kiện xét tái định cư. Xét thấy, phần đất bà Q bị thu hồi không phải là đất ở, trên đất không có nhà ở, bà Q không phải di chuyển chỗ ở nên không đủ điều kiện xét mua suất tái định cư theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 1, khoản 2 Điều 21 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Do đó Quyết định số 6661 phê duyệt bà Trịnh Thị Q không đủ điều kiện xét tái định cư là phù hợp.

Bà Q đề nghị được mua nền tái định cư theo chính sách hỗ trợ đất ở tại Công văn số 3882/UBND-KT ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ là không có cơ sở. Bởi lẽ, Công văn 3882 áp dụng cho các hộ dân bị ảnh hưởng dự án Khu tái định cư A. Dự án này sử dụng vốn vay của Ngân hàng thế giới và có cam kết về khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nên căn cứ khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2013 sẽ thực hiện theo khung chính sách đó. Còn phần đất của bà Q bị ảnh hưởng là dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ. Theo Quyết định số 502/QĐ-TTg ngày 17/4/2017 của Thủ

tướng chính phủ thì dự án này thực hiện từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ không thuộc dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức nên chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện theo các quy định của pháp luật như đã phân tích trên.

Từ mục [2.3], [2.4] xét thấy Công văn 219 có nội dung trả lời không chấp nhận các đề nghị của bà Q là đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu hủy Quyết định số 11403/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất (sau đây gọi tắt là Quyết định số 11403):

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định 11403: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N đã thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[3.2] Về nội dung:

Căn cứ Quyết định số 502/QĐ-TTg ngày 17/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Trung ương Cần Thơ và Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của quận N, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 4361/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 thu hồi phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 4.124,2m² của bà Trịnh Thị Q là có căn cứ theo khoản 1 Điều 61, điểm a khoản 2 Điều 62, Điều 63 Luật Đất đai năm 2013.

Theo khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “ *Khi quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được công bố công khai, người có đất thu hồi phải chấp hành quyết định thu hồi đất.* ”

Ngày 16/2/2022, ngày 18/4/2022 Ủy ban nhân dân quận N, Ủy ban nhân dân phường A, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vận động, thuyết phục bà Trịnh Thị Q bàn giao mặt bằng nhưng người đại diện theo ủy quyền cho bà Q nêu ý kiến không đồng ý bàn giao mặt bằng do đang chờ kết quả trả lời thỏa đáng từ Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất.

Theo khoản 6 Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định:

“ 6. Người có đất thu hồi, tổ chức, cá nhân có liên quan có quyền khiếu nại về việc thu hồi đất theo quy định của pháp luật về khiếu nại. ”

Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có kết luận việc thu hồi đất là trái pháp luật thì phải dừng cưỡng chế nếu việc cưỡng chế chưa hoàn thành; hủy bỏ quyết định thu hồi đất đã ban hành và bồi thường thiệt hại do quyết định thu hồi đất gây ra (nếu có). ” Ngày 18/4/2022, bà Trịnh Thị Q có đơn yêu cầu Tòa án

áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tạm đình chỉ thi hành Quyết định số 11403 về việc cưỡng chế thu hồi đất của bà Q nhưng xét thấy việc bàn giao mặt bằng không làm ảnh hưởng đến giải quyết các yêu cầu khởi kiện của bà Q nên Tòa án đã ra Thông báo số 03/TB.TA ngày 19/4/2022 không chấp nhận áp dụng biện pháp tạm đình chỉ thi hành quyết định cưỡng chế.

Do đó, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 11403/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 cưỡng chế thu hồi đất của bà Trịnh Thị Q là có cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Đối với việc người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị Q cho rằng trình tự thủ tục thu hồi đất không đúng, việc đo đạc kiểm đếm không đúng diện tích là liên quan đến quyết định Quyết định thu hồi đất số 4361/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận N nhưng bà Q không có khởi kiện đối với quyết định này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Tuy nhiên về diện tích bị thu hồi, trong thời gian chuẩn bị xét xử, phía người khởi kiện có xuất trình 01 *Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất* do Cán bộ đo đạc tên Lê Bá Kông lập ngày 14/12/2021, bà Trịnh Thị Q ký tên xác nhận ngày 10/01/2022. Theo đó phần ghi chú về sơ đồ thửa đất ghi diện tích đo đạc theo hiện trạng sử dụng đất là 4.672,3m², trong đó diện tích theo quyết định thu hồi đất là 4.124,2m²; diện tích tăng so với quyết định thu hồi đất là 548,1m², loại đất SON (theo BĐĐC- Bản đồ địa chính). Đối chiếu với Mảnh trích đo địa chính số 816-2017 phường A do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố ký duyệt ngày 02/10/2017 thì phần diện tích tăng thêm 548,1m² là diện tích đất của Rạch Nọc, do sau khi cưỡng chế, Dự án đã được bơm cát lấp kênh Rạch Nọc, nên việc người khởi kiện cho rằng diện tích bị thu hồi không đúng với hiện trạng thực tế sử dụng là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với phần bồi thường về hoa màu cây trồng trên đất đang có tranh chấp với ông Trần Đạt Hoàng D và bà Q, ông Thuận, bà M cũng đã khởi kiện bằng vụ án dân sự và đã được Tòa án nhân dân quận N xét xử sơ thẩm theo bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 28/02/2022, do có kháng cáo của phía bà Q đang chờ xét xử phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử cũng không xem xét yêu cầu liên quan đến tiền bồi thường cây trồng trong vụ án hành chính này.

Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[3] Với phân tích trên, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa bác yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Q là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu. Tuy nhiên, bà Trịnh Thị Q là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12

Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

- Điều 67, Điều 71, Điều 74 Luật Đất đai năm 2013;

- Khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Khoản 1, khoản 2 Điều 21 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện Trịnh Thị Q khởi kiện về việc:

+ Yêu cầu hủy Công văn số 219/HĐBT ngày 23/4/2021 của Ủy ban nhân dân quận N về việc trả lời đơn cứu xét của bà Trịnh Thị Q;

+ Yêu cầu hủy Quyết định số 11403/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất của bà Trịnh Thị Q;

+ Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân quận N giải quyết cho bà Trịnh Thị Q được xét mua 04 nền tái định cư theo quy định.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Q được miễn nộp.

3. Về thời hạn kháng cáo: Người khởi kiện, người bị kiện được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TPCT;
- Cục THADS TPCT;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đào Liệt Trinh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

